

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/ HNGĐ - ST

Ngày: 13/ 01/ 2023

V/v: “ Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình Tú – Thư ký TAND
thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy B - Sinh năm 1987 - Có mặt

Địa chỉ: MG 05 Vincom đường Lâm Úy, Phường Đ H, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng C – Sinh năm 1985 - Vắng mặt

Địa chỉ: SN 65 N T, phường BĐ, thành phố Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy B và anh Nguyễn Đăng C kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh C ham chơi, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần anh C to tiếng chửi bới và đánh đập chị phải đi điều trị tại bệnh viện. Do mâu

thuần vợ chồng trầm trọng nên chị phải đem con về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Quảng Bình để ở từ năm 2019 và anh, chị sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị B cũng đã động viên, khuyên nhủ, tạo điều kiện để anh Công thay đổi, sửa chữa bản thân nhưng không có kết quả.

Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị với anh C không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị B và anh Công có 02 con chung:

1. Nguyễn Lê Phương C – sinh ngày 22/08/2009
2. Nguyễn Lê Phương L – sinh ngày 05/11/2010.

Ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh Công cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã liên hệ qua zalo, điện thoại và tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho anh C đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng anh C không hợp tác và không đến Tòa án làm việc.

Kết quả thu thập chứng cứ và xác minh tại gia đình, chính quyền địa phương: Chị B và anh C kết hôn với nhau vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại địa phương một thời gian ngắn sau đó lại chuyển về Quảng Bình quê chị B để làm ăn. Cả hai anh, chị làm nghề lao động tự do, quá trình chung sống anh chị mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết, chỉ biết đã nhiều năm không thấy chị B về địa phương, chỉ có anh C về sống cùng với bà Yến là mẹ đẻ của anh C tại 65 Nguyễn Trãi, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa.

- Về con chung: Anh C, chị B có 02 con chung, hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị B tại tỉnh Quảng Bình.

Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh C thì chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, nhưng tại phiên tòa anh C vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

- Điều 56, 81, 82, và 83 của Luật HNGĐ . Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự và NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy B được ly hôn anh Nguyễn Đăng C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy B và anh Nguyễn Đăng C.

có 02 con

1. Nguyễn Lê Phương C – sinh ngày 22/08/2009

2. Nguyễn Lê Phương L – sinh ngày 05/11/2010.

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa, là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Đăng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] *Về hôn nhân:* Anh C và chị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị xảy ra mâu thuẫn, nên chị B đã cùng hai con đi ở nơi khác và anh chị đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh C không hợp tác và không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật HNGĐ xử cho chị B được ly hôn anh C.

[3] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thúy B và anh Nguyễn Đăng C.

có 02 con

1. Nguyễn Lê Phương C – sinh ngày 22/08/2009;

2. Nguyễn Lê Phương L – sinh ngày 05/11/2010.

Ly hôn, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng được nuôi con của chị B là hoàn toàn chính đáng. Mặt khác hiện nay cả hai cháu đang ở với chị B và cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó cần tiếp tục giao các cháu cho chị B tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng để ổn định việc học hành và sinh hoạt của các cháu.

Tại phiên tòa chị B không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì bản thân chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi các con. Mặt khác chị cũng không biết hiện tại anh C đang làm công việc gì có thu nhập hay không. Xét việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung là sự tự nguyện của chị B. Nên HĐXX chấp nhận.

Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

[4] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình..

Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thúy B được ly hôn anh Nguyễn Đăng C.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy B và anh Nguyễn Đăng C có 02 con chung là Nguyễn Lê Phương C – sinh ngày 22/08/2009 và Nguyễn Lê Phương L – sinh ngày 05/11/2010.

Ly hôn, giao cho chị Nguyễn Thị Thúy B trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

3. Về tài sản, công nợ: Anh C, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0002291 ngày 04/ 10/ 2022 của Chi cục THADS thành phố Thanh Hoá (Chị Bình đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thúy B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Đăng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- UBND p. Ba Đình;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Hương